TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 771/2026/DS-PT
Ngày 28 – 9 – 2026
V/v tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tân

Ông Lê Phan Công Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Thắng - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 320/2026/TLPT-DS, ngày 24 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp chia thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2026/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 481/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 07 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc H (N), sinh năm 1954. Địa chỉ: A N, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản uỷ quyền ngày 27/5/2023: Ông Tăng Tấn L, sinh ngày 05/12/1990; Căn cước công dân số 096090006978 cấp ngày 14/05/2023; Địa chỉ: Số A, đường Q, Khóm E, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nay là Khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1961; Căn cước công dân số: 096061000450, cấp ngày 23/4/2021. Địa chỉ: Số B, đường L, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nay là Khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Minh N:

Ông Hà Thanh H1 và ông Phan Khánh D là Luật sư Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số B, đường L, Khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Nguyễn Kim L1, sinh năm 1952; Căn cước công dân số: 096152003146 cấp ngày 12/6/2022. Địa chỉ: Ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nay là Khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Kim L1 theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2026: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số B, đường L, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nay là Khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1974; Địa chỉ: G HERON LAKES DR HOUSTON TX G - 0000 USA.

2. Bà Nguyễn Ánh H2, sinh năm 1971; Địa chỉ: A NEWPORT SHORE DR HOUSTON TX G -0000 USA.

3. Ông Nguyễn Tấn H3, sinh năm 1978; Địa chỉ: A CRESCENT MIRROR LN KATY TX G USA.

4. Bà Nguyễn Kim N1, sinh năm 1975; Địa chỉ: 1310 STELLE GLEN CIR KATY TX G USA.

5. Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số B, đường L, Khóm D, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nay là Khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Nguyễn Kim H4 (9 N2), sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nay là Khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau.

7. Bà Nguyễn Ánh T2, sinh ngày 22/09/1966; Địa chỉ: Ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nay là phường A, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Ánh H2, ông Nguyễn Tấn H3, bà Nguyễn Kim N1, ông Nguyễn Trung T1, bà Nguyễn Kim H4, bà Nguyễn Ánh T2 theo văn bản ủy quyền ngày 04/3/2024 và ngày 19/4/2024:*Ông Tăng Tấn L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A, đường Q, Khóm E, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nay là Khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

8. Ủy ban nhân dân phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau: Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Cà Mau

Địa chỉ: Khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

9. Bà Đoàn Thị T3, sinh năm 1960 (vợ ông N). Xin vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Minh T4, sinh năm 1983 (con ông N, có mặt)

11. Bà Bùi Thị H5, sinh năm 1983 (vợ ông T4). Xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số B, đường L, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nay là

Khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau.

12. Bà Đỗ Thị Mỹ X (vợ ông T1). Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Số B, đường L, Khóm D, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nay là Khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau.

13. Bà Nguyễn Tuyết N3, sinh năm 1957 (đã chết)

Những người thừa kế của bà Nguyễn Tuyết N3:

13.1. Ông Vương Hoài L2, sinh năm 1977. Xin vắng mặt.

13.2. Bà Vương Giáng K, sinh năm 1990. Xin vắng mặt.

13.3. Ông Vương Hoài P, sinh năm 1985. Xin vắng mặt.

13.4. Bà Vương Thị Hoài T5, sinh năm 1980. Xin vắng mặt.

13.5. Ông Vương Hoài N4, sinh năm 1987. Xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nay là Khóm C, xã T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Ngọc H (N) là nguyên đơn; ông Nguyễn Minh N và bà Nguyễn Kim L1 là bị đơn; ông Nguyễn Minh T4 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiên, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Tăng Tấn L trình bày:* Vợ chồng cụ Nguyễn Ngọc T6 (chết năm 2013) và cụ Lê Thị H6 (chết năm 2010) có 10 người con chung là: Nguyễn Kim L1, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Minh N, Nguyễn Ánh T2, Nguyễn Ánh H2, Nguyễn Kim H4, Nguyễn Minh T, Nguyễn Kim N1, Nguyễn Tấn H3, và Nguyễn Trung T1 và hai người con đã chết là Nguyễn Tuyết N3 và Nguyễn Phú Y. Cụ T6 và cụ H6 có tạo lập được khối tài sản chung bao gồm hai phần đất:

+ Căn nhà và đất tọa lạc tại số B, đường L, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau, trước đây được UBND thị xã C cấp Giấy tấc đất tấc vàng đứng tên Nguyễn Ngọc T6 vào ngày 09/8/1993; hiện nay do đất bảo lưu ven sông nên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà đất này hiện do ông Nguyễn Trung T1 đang quản lý, sử dụng, trị giá khoảng 02 (Hai) tỷ đồng.

+ Phần đất có tổng diện tích 6.840m^2 thuộc các thửa số 06,18, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau đã được UBND thành phố C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 313814 và AĐ 313813 đứng tên Lê Thị H6 và Nguyễn Ngọc T6 vào ngày 11/5/2006. Hiện trạng đất có 01 căn nhà mồ, 11 ngôi mộ và 01 căn nhà cấp bốn do bà Nguyễn Kim H4 xây dựng hiện nay để ở quản lý, trông coi mộ, thờ cúng, trị giá khoảng 04 (Bốn) tỷ đồng.

Ngày 20/8/2007, vợ chồng cụ Tấn cụ H6 có lập Di chúc được UBND phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau chứng thực với nội dung hủy bỏ Bản di

chúc lập ngày 04/10/2005 và giao toàn bộ tài sản nêu trên cho con là ông Nguyễn Ngọc H toàn quyền quyết định. Đến năm 2022 khi ông H thực hiện thủ tục khai nhận di sản và tuyên bố nội dung di chúc thì ông N và bà L1 không đồng ý và ngăn cản. Tại buổi hòa giải ngày 08/12/2022 tại UBND phường F, thành phố C thì ông N cung cấp 02 bản di chúc gốc của cụ Tấn cụ H6 đều được lập cùng ngày 20/8/2007 và đều được UBND phường 6 chứng thực. Theo xác nhận của Tổ hòa giải thì Bản di chúc của ông H cung cấp được lưu trữ tại UBND phường F; còn Bản di chúc ông N cung cấp không có hồ sơ lưu trữ tại UBND phường F. Nay ông Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể:

+ Hủy Di chúc ngày 20/8/2007 do ông Nguyễn Minh N cung cấp.

+ Giao toàn bộ di sản của cụ Tấn cụ H6 để lại bao gồm căn nhà và đất tọa lạc tại số B, đường L, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau và phần đất có tổng diện tích 6.840m^2 thuộc các thửa số 06, 18, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho ông Nguyễn Ngọc H toàn quyền quản lý, sử dụng.

Ông H tự nguyện giao lại toàn bộ kỷ phần được hưởng cho bà Nguyễn Ánh T2, Nguyễn Kim H4 và Nguyễn Trung T1 được ở, quản lý và sử dụng.

- *Bị đơn ông Nguyễn Minh N trình bày:*

Cha mẹ ông là cụ Nguyễn Ngọc T6 (chết năm 2013) và cụ Lê Thị H6 (chết năm 2010); hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tấn cụ H6 và di sản của cụ Tấn cụ H6 để lại thì ông thống nhất đúng như lời trình bày của đại diện nguyên đơn. Tuy nhiên, ông không thừa nhận Di chúc ngày 20/8/2007 do ông H cung cấp.

Nay ông xác định ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời ông có yêu cầu phản tố, cụ thể ông yêu cầu Tòa án giải quyết hủy bỏ Tờ di chúc ngày 20/8/2007 do ông Nguyễn Ngọc H cung cấp và chia thừa kế theo di chúc do ông cung cấp cho Tòa án:

+ Đối với phần đất thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau có chiều ngang 86m x dài khoảng 47m trừ diện tích 05m ngang do bà H4 quản lý để thờ cúng, còn lại 81m chiều ngang, ông yêu cầu chia thành 10 kỷ phần cho 10 người con, ông yêu cầu được nhận 8,1m ngang x dài hết đất, tiếp giáp ranh đất bà Tuyết L3 đo qua mặt tiền.

+ Đối với phần đất thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau có diện tích 3.045 m^2 trừ diện tích khu mộ 400m^2, còn lại phần diện tích 2.645m^2 ông yêu cầu chia thành 10 kỷ phần cho 10 người con, mỗi kỷ phần 204,5m^2 đất, ông yêu cầu được nhận 204,5m^2 đất.

Đối với phần đất tọa lạc tại đường L, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau thì ông được cụ T6 cụ H6 tặng cho riêng ông một phần diện tích ngang 2,7m x dài 12m, ông đã cất nhà ở, quản lý và sử dụng hơn mười năm nay; do đó, ông không đồng ý chia thừa kế phần diện tích đất này theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với phần đất và căn nhà gắn liền trên đất tọa lạc tại số B, đường L, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau không phải là di sản của cụ Tấn cụ H7, mà do ông nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T7, trước đây có tranh chấp và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết, ông sẽ chịu trách nhiệm cung cấp cho Tòa án sau. Nhà đất này hiện do con ông là anh Nguyễn Minh T4 đang quản lý, sử dụng.

- Bị đơn bà Nguyễn Kim L1 trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Nguyễn Ngọc T6 (chết năm 2013) và cụ Lê Thị H6 (chết năm 2010); hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tấn cụ H6 và di sản của cụ Tấn cụ H6 để lại thì bà thống nhất đúng như lời trình bày của đại diện nguyên đơn. Tuy nhiên, bà không thừa nhận Di chúc ngày 20/8/2007 do ông H cung cấp, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà có đơn phản tố yêu cầu cụ thể bà yêu cầu Tòa án giải quyết hủy bỏ Tờ di chúc ngày 20/8/2007 do ông Nguyễn Ngọc H cung cấp và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản cụ T6 cụ H6 để lại, cụ thể:

+ Đối với phần đất thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau có chiều ngang 86m x dài 47m trừ diện tích 05m ngang x 47m dài do bà H4 quản lý để thờ cúng, còn lại 81m chiều ngang, ông yêu cầu chia thành 10 kỷ phần cho 10 người con, bà yêu cầu được nhận 08,1m ngang x dài tiếp giáp ranh đất bà Tuyết L3 đo qua mặt tiền.

+ Đối với phần đất thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau có diện tích 3.045 m^2 trừ diện tích khu mộ 400m^2, còn lại phần diện tích 2.645m^2 bà yêu cầu chia thành 10 kỷ phần cho 10 người con, mỗi kỷ phần 204,5m^2 đất, bà yêu cầu được nhận 204,5m^2 đất.

- Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ánh T2, bà Nguyễn Ánh H2, bà Nguyễn Kim H4, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Kim N1, ông Nguyễn Tấn H3, và ông Nguyễn Trung T1 là ông Tăng Tấn L trình bày:

Các ông, bà Nguyễn Ánh H2, Nguyễn Minh T, Nguyễn Kim N1, Nguyễn Tấn H3 đang định cư tại nước Mỹ. Bà Nguyễn Ánh T2 và Nguyễn Kim H4, Nguyễn Trung T1 thống nhất hoàn toàn với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông N. Đồng thời, đối với di sản của cụ Tấn cụ H6 để lại thì ngoài các tài sản như đại diện nguyên đơn trình bày, cụ Tấn cụ H6 còn có một phần đất và căn nhà gắn liền trên đất tọa lạc tại số B, đường L, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nằm liền kề phần đất tranh chấp) có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T7 trị giá khoảng 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng); hiện do ông Nguyễn Minh T4 (con ông Nguyễn Minh N) đang quản lý, sử dụng.

Nay các ông, bà Nguyễn Ánh T2, Nguyễn Ánh H2, Nguyễn Minh T, Nguyễn Kim N1, Nguyễn Tấn H3 có yêu cầu độc lập, cụ thể: Yêu cầu xác định phần đất tọa lạc tại số B, đường L, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà

Mau là di sản của cụ Tấn cụ H6 chết để lại và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản trên, cụ thể yêu cầu mỗi người được nhận giá trị tương ứng mỗi kỷ phần theo định giá.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2026/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 630, 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật dân sự; Điều 169, Điều 186 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H về việc yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 20/8/2007 do ông Nguyễn Ngọc H (N) cung cấp.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Minh N.

- Tuyên bố di chúc lập ngày 20/8/2007, do cụ Tấn cụ H6 ký tên do ông H cung cấp là vô hiệu.

- Công nhận di chúc lập ngày 20/8/2007 do cụ Tấn cụ H7 ký tên do ông N cung cấp là có hiệu lực.

Buộc ông Nguyễn Minh N, bà Đoàn Thị T3 giao lại căn nhà số D có diện tích 49,8 m^2 nhà đất tọa lạc tại đường L khóm D, phường F, thành phố C (nay là phường T, tỉnh Cà Mau) cho ông Nguyễn Trung T1, bà Nguyễn Kim H4, Nguyễn Ánh T2.

Ông Nguyễn Trung T1, bà Nguyễn Kim H4, Nguyễn Ánh T2 được quyền quản lý, sử dụng đối với 3 căn nhà số B, 3, 4 tổng diện tích là 231 m^2 nhà đất tọa lạc tại đường L, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường T, tỉnh Cà Mau) có tứ cận cụ thể là M2M3M4 M5M6M7M8M9M10M11M2.

Kèm theo Bản vẽ hiện trạng ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Công ty TNHH MTV T9.

- Đối với phần đất tọa lạc lại Ấp B, xã A, thành phố C (cũ):

Ông Nguyễn Minh N được nhận phần đất ngang 8,1m dài từ tiền đến hậu tổng diện tích 382,2 m^2 tọa lạc Ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau) có tứ cận cụ thể là M6M7M7’M6’M6 và số tiền là 160.448.000 đồng.

Bà Nguyễn Kim L1 được nhận phần đất ngang 8,1m dài từ tiền đến hậu, tổng diện tích 371,7 m^2 có tứ cận cụ thể là M6’M7’M7’’M6’’M6’ tọa lạc Ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau) và số tiền là 160.448.000 đồng.

Giao cho ông Nguyễn Trung T1, bà Nguyễn Kim H4, Nguyễn Ánh T2

cùng quản lý sử dụng phần đất tại Ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau) có tổng diện 5.551,7 m^2 có tứ cận cụ thể là M7''M6''M5M4M3ABCM2M1M7''.

Đối với khu mộ có diện tích 533,2 m^2, tọa lạc tại Ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau) có tứ cận cụ thể là ABCM2A giao cho 10 người con là ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Minh N, bà Nguyễn Kim L1, bà Nguyễn Ánh T2, bà Nguyễn Ánh H2, bà Nguyễn Kim H4, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Kim N1, ông Nguyễn Tấn H3, và ông Nguyễn Trung T1 cùng quản lý chăm sóc.

Kèm theo Mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất (bổ sung lần 1) ngày 28 tháng 4 năm 2026 và Mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Công ty TNHH MTV T9.

3. Buộc ông Nguyễn Ngọc H giao lại cho ông Nguyễn Minh N số tiền giá trị đất 466.229.000 đồng và giá trị căn nhà là 179.357.220 đồng; giá trị phần đất là 160.448.000 đồng, tổng là 806.034.220 đồng.

Buộc ông Nguyễn Ngọc H giao lại cho bà Nguyễn Kim L1 giá trị đất là 160.448.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông N đối với ông H về việc chia thừa kế số tiền 7.000 USD.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của những người liên quan bà Nguyễn Ánh T2, bà Nguyễn Ánh H2, bà Nguyễn Kim H4, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Kim N1, ông Nguyễn Tấn H3, và ông Nguyễn Trung T1 chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích 112,1m^2, đất tọa lạc tại số B, đường L, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường T, tỉnh Cà Mau) và yêu cầu nhận giá trị tương ứng mỗi người một kỷ phần.

Buộc ông Nguyễn Minh N giao lại cho bà Nguyễn Ánh T2, bà Nguyễn Ánh H2, bà Nguyễn Kim H4, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Kim N1, ông Nguyễn Tấn H3, và ông Nguyễn Trung T1 mỗi người là 185.861.000 đồng.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, bị đơn ông Nguyễn Minh N, bà Nguyễn Kim L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T4 kháng cáo cùng nội dung yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị N5, ông Nguyễn Tấn H3, bà Nguyễn Ánh H2, bà Nguyễn Ánh T2, bà Nguyễn Kim C, ông Nguyễn Trung T1 về việc yêu cầu chia giá trị căn nhà gắn liền với đất toạ lạc số 220/20 đường L, Khóm D, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau mỗi người nhận tương ứng mỗi kỷ phần với số tiền là 183.000.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tăng Tấn L trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh N.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Ông Nguyễn Minh T là người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thể đứng tên đất tại Việt Nam nên để cho ông Lê Văn T7 đứng tên hộ, nên giao dịch chuyển tiền chuyển nhượng thì giao cho ông Nguyễn Minh T, không giao cho ông Lê Văn T7. Ông Nguyễn Văn T8 xác định là khi có tranh chấp ông sẽ ra làm chứng cho ông N. Hợp đồng bản chính ông N vẫn giữ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, huỷ bản án sơ thẩm để thụ lý, giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Minh N, bà Nguyễn Kim L1 và ông Nguyễn Minh T4 thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Những người liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt không lý do, căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Minh N, bà Nguyễn Kim L1 và ông Nguyễn Minh T4; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất xác định cha mẹ là cụ Nguyễn Ngọc T6 (chết năm 2013) và cụ Lê Thị H6 (chết năm 2010) có 12 người con chung là: Nguyễn Kim L1, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Tuyết N3 (đã chết, có 5 người con) Nguyễn Minh N, Nguyễn Phú Y (đã chết, không vợ con) Nguyễn Ánh T2, Nguyễn Ánh H2, Nguyễn Kim H4, Nguyễn Minh T, Nguyễn Kim N1, Nguyễn Tấn H3, và Nguyễn Trung T1.

[3.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 20/8/2007 do ông cung cấp. Ông Nguyễn Minh N yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 20/8/2007 do ông N cung cấp. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập yêu cầu công nhận di chúc và chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất là di sản không thể hiện trong di chúc.

[3.3] Di chúc do nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H cung cấp, có nội dung *"...vợ chồng tôi làm tờ di chúc này giao toàn bộ tài sản nêu trên cho con tôi là Nguyễn H, sinh 31/12/1954 (Passport số 134462021)... để thay mặt tôi toàn*

quyền quyết định số tài sản nêu trên...”. Xét thấy, thời điểm cụ T6 và cụ H6 lập di chúc năm 2007 đến khi cụ T6 cụ H6 chết năm 2010 - 2013 thì ông H đang định cư tại Mỹ. Theo quy định tại Điều 169, Điều 186 Luật Đất đai năm 2013 thì người Việt đang định cư ở nước ngoài không được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại Việt Nam. Do đó, nội dung di chúc trên không thể thực hiện được do vi phạm điều cấm của luật, bị vô hiệu, nên yêu cầu của ông H về việc chia thừa kế theo di chúc do ông cung cấp là không có căn cứ chấp nhận. Mặt khác, nội dung di chúc hoàn toàn không để lại di sản cho ông H, mà nội dung thể hiện khi cha mẹ chết thì ông H thay mặt cha mẹ toàn quyền quyết định số tài sản nêu trên. Nay đã phát sinh tranh chấp, các anh chị em là đồng thừa kế không thống nhất về cách phân chia di sản nên cũng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông H về việc công nhận di chúc do ông H cung cấp.

[3.4] Di chúc do ông Nguyễn Minh N cung cấp thể hiện có hai phần đất tại phường F, thành phố C (cũ) và phần đất tại Ấp B, xã A, thành phố C (cũ). Đối với phần đất tại phường F (cũ) nhà đất tọa lạc tại số B, đường L, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau, trước đây được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp (Giấy tấc đất tấc vàng) đứng tên Nguyễn Ngọc T6 vào ngày 09/8/1993. Theo di chúc thể hiện có hai căn nhà và 1 con hẻm với diện tích là 9,8m ngang. Có hai căn nhà giao cho ông Nguyễn Trung T1 và Nguyễn Tấn H3 quản lý, đồng thời không được sang bán. Người đại diện của ông H3 xác định do ông H3 đang định cư tại Mỹ nên căn nhà trên ông H3 đồng ý giao lại cho ông T1, bà H4, bà T2 quản lý sử dụng ông H3 không yêu cầu trả lại giá trị. Người đại diện của ông H xác định đối với các yêu cầu của ông N có liên quan đến giá trị kể cả căn nhà 2,79m nếu ông N có yêu cầu thì ông H sẽ trả lại giá trị cho ông N và các tài sản nêu trên giao lại cho ông T1, bà H4 và bà T2 quản lý sử dụng. Xét đây là sự tự nguyện của ông H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.5] Phần đất có tổng diện tích 6.840m^2 thuộc các thửa số 06, 18, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau đã được UBND thành phố C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 313814 và AĐ 313813 đứng tên Lê Thị H6 và Nguyễn Ngọc T6 vào ngày 11/5/2006. Hiện trạng trên đất có khu nhà mồ, 11 ngôi mộ, 01 căn nhà cấp bốn do bà Nguyễn Kim H4 xây dựng hiện nay để ở quản lý, trông coi mộ, thờ cúng. Một ngôi nhà của ông Nguyễn Trung T1. Đối với phần đất ở ấp B, xã A, di chúc không thể hiện chia cụ thể từng người được nhận, không thể hiện diện tích cụ thể và hiện tại các đương sự đang yêu cầu chia thừa kế, do đó chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất tại Ấp B, xã A là có căn cứ. Phần đất nêu trên có ngang mặt tiền giáp quốc lộ 63 dài 86m, sau khi trừ lại phần đất ngang 05m dài 30m bà H4 đã xây dựng phủ thờ; phần đất nhà mồ diện tích ngang 13,5m dài 20m và lối đi vào nhà mồ tổng diện tích là 533,2m^2, phần còn lại chia đều cho các hàng thừa kế. Do bà Nguyễn Tuyết N3 (đã chết) bà N3 có 5 người con thống nhất không yêu cầu chia thừa kế. Nên việc chia thừa kế thành 10 kỷ phần bằng nhau, mỗi người được nhận là 8,1m được cắt dài từ tiền đến hậu. Do căn nhà của bà H4 nằm phía trong nên giao đất cho ông N bà L1 theo hướng từ ngoài đo vào. Các hàng thừa kế còn

lại yêu cầu được nhận kỷ phần nhưng không yêu cầu cắt ra từng kỷ phần mà giao toàn bộ cho bà H4, ông T1, bà T2 toàn quyền quản lý sử dụng và định đoạt theo quy định của pháp luật.

[3.6] Đối với phần đất liền kề phía trong diện tích là 3.045m^2 trên đất có khu nhà mộ. Tại phiên tòa ông N yêu cầu trừ lại phần diện tích khu mộ đã được đo đạc và trừ ra thêm diện tích ngang 13,5m dài 20m nối liền khu mộ đo về hướng M3M4, các đương sự thuộc hàng thừa kế đồng ý trừ lại diện tích như ông N yêu cầu. Do đó phần đất nhà mộ là 533,2m^2, diện tích còn lại là 2.507,9m^2 chia đều cho 10 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 250,7m^2. Ông N bà L1 yêu cầu được nhận đất. Tuy nhiên, phần đất ông N bà L1 được nhận không đủ điều kiện tách thửa nên không thể giao đất cho ông N mà giao cho ông N bà L1 nhận giá trị tương đương với diện tích đất được nhận với số tiền là 160.448.000 đồng. Ông H tự nguyện giao số tiền trên lại cho ông N, bà L1 và giao phần đất cho ông T1, bà H4, bà T2 toàn quyền quản lý sử dụng theo pháp luật Việt Nam. Xét đây là sự tự nguyện của ông H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.7] Căn nhà và đất tọa lạc tại số B, đường L, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau, trước đây được UBND thị xã C (nay là thành phố C) (loại sổ Tấc đất tấc vàng) đứng tên Nguyễn Ngọc T6 vào ngày 09/8/1993; hai căn nhà trên do ông T1 đang quản lý.

[3.8] Các đương sự không thống nhất với nhau, cụ thể những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định cụ Tấn cụ H6 còn phần đất 5,2m do ông N đang quản lý và phần đất và căn nhà ngang 2,79m do ông N đang quản lý nên yêu cầu chia thừa kế phần đất trên. Ông N xác định hai phần đất trên là của ông N nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T8 nên không đồng ý chia thừa kế. Xét thấy tại hồ sơ có 2 hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Lê Văn T7 ký với cụ Nguyễn Ngọc T6 cụ Lê Thị H6 hợp đồng có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường 6 ngày 21/12/2009. Một Hợp đồng giữa ông Lê Văn T7 và ông Nguyễn Minh N có bàn cận kế cận ký vào hợp đồng và có xác nhận của phó khóm ngày 14/01/2020. Theo kết luận giám định số 1065/KL-KTHS ngày 24/9/2026 của Phòng K1 - Công an tỉnh C kết luận chữ ký, chữ viết trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn T7 với ông Nguyễn Minh N do cùng một người ký và viết ra. Tuy nhiên, hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Lê Văn T7 với cụ Nguyễn Ngọc T6, cụ Lê Thị H6 được xác lập trước (ngày 21/12/2009), có chứng thực và được lưu tại Ủy ban nhân dân phường F (cũ), đồng thời ông Lê Văn T7 xác định ông chuyển nhượng đất cho cụ T6, cụ H6. Còn ông N xác định giá chuyển nhượng 480.000.000 đồng, nhưng giá ghi trong hợp đồng chuyển nhượng là 300.000.000 đồng, đồng thời ông N xác định ông giao tiền chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Minh T là con rể ông Lê Văn T7 và là em ruột của ông N. Như vậy, ông N không chứng minh được việc giao tiền chuyển nhượng đất cho ông Lê Văn T7 là chủ đứng tên quyền sử dụng đất. Do đó, không chấp nhận về việc ông N xác định đất do ông nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn T7. Tuy nhiên, trên phần đất ông N đã cất nhà kiên cố nên giao nhà đất trên cho ông N tiếp tục quản lý sử dụng, ông N có nghĩa vụ giao lại cho các

hàng thừa kế kỷ phần được nhận, cụ thể 112,1m^2 x 16.580.000 đồng = 1.858.618.000 đồng chia đều cho 10 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 185.861.000 đồng. Ông N có nghĩa vụ giao lại cho 7 người liên quan có yêu cầu. Riêng bà L1, ông H chưa yêu cầu nên không xem xét.

[3.9] Đối với yêu cầu của ông N về việc yêu cầu ông H giao lại 7.000 USD do cha mẹ để lại để chia thừa kế. Xét thấy, người đại diện của ông H không thừa nhận có cất giữ số tiền 7.000 USD từ cha mẹ như ông N trình bày; đồng thời, ông N chỉ trình bày bằng lời nói, không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông N.

[4] Từ cơ sở nhận định nêu trên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Minh N, bà Nguyễn Kim L1 và ông Nguyễn Minh T4; có căn cứ chấp nhận một phần ý kiến trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Minh N.

[5] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên toà đề nghị huỷ bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí dân sự phúc thẩm, Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Minh N, bà Nguyễn Kim L1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí. Ông Nguyễn Minh T4 phải chịu án phí theo quy định.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Minh N, bà Nguyễn Kim L1, ông Nguyễn Minh T4; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2026/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau

Căn cứ vào Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 630, 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật dân sự; Điều 169, Điều 186 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H về việc yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 20/8/2007 do ông Nguyễn Ngọc H (N) cung cấp.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Minh N.

- Tuyên bố di chúc lập ngày 20/8/2007, do cụ Tấn cụ H6 ký tên do ông H cung cấp là vô hiệu.

- Công nhận di chúc lập ngày 20/8/2007 do cụ Tấn cụ H7 ký tên do ông N cung cấp là có hiệu lực.

Buộc ông Nguyễn Minh N, bà Đoàn Thị T3 giao lại căn nhà số D có diện tích 49,8 m^2 nhà đất tọa lạc tại đường L khóm D, phường F, thành phố C (nay là phường T, tỉnh Cà Mau) cho ông Nguyễn Trung T1, bà Nguyễn Kim H4, Nguyễn Ánh T2.

Ông Nguyễn Trung T1, bà Nguyễn Kim H4, Nguyễn Ánh T2 được quyền quản lý, sử dụng đối với 3 căn nhà số B, 3, 4 tổng diện tích là 231 m^2 nhà đất tọa lạc tại đường L, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường T, tỉnh Cà Mau) có tứ cận cụ thể là M2M3M4 M5M6M7M8M9M10M11M2.

Kèm theo Bản vẽ hiện trạng ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Công ty TNHH MTV T9.

- Đối với phần đất tọa lạc lại Ấp B, xã A, thành phố C (cũ):

Ông Nguyễn Minh N được nhận phần đất ngang 8,1m dài từ tiền đến hậu tổng diện tích 382,2 m^2 tọa lạc Ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau) có tứ cận cụ thể là M6M7M7'M6'M6 và số tiền là 160.448.000 đồng.

Bà Nguyễn Kim L1 được nhận phần đất ngang 8,1m dài từ tiền đến hậu, tổng diện tích 371,7 m^2 có tứ cận cụ thể là M6'M7'M7''M6''M6' tọa lạc Ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau) và số tiền là 160.448.000 đồng.

Giao cho ông Nguyễn Trung T1, bà Nguyễn Kim H4, Nguyễn Ánh T2 cùng quản lý sử dụng phần đất tại Ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau) có tổng diện 5.551,7 m^2 có tứ cận cụ thể là M7''M6''M5M4M3ABCM2M1M7''.

Đối với khu mộ có diện tích 533,2 m^2, tọa lạc tại Ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau) có tứ cận cụ thể là ABCM2A giao cho 10 người con là ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Minh N, bà Nguyễn Kim L1, bà Nguyễn Ánh T2, bà Nguyễn Ánh H2, bà Nguyễn Kim H4, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Kim N1, ông Nguyễn Tấn H3, và ông Nguyễn Trung T1 cùng quản lý chăm sóc.

Kèm theo Mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất (bổ sung lần 1) ngày 28 tháng 4 năm 2026 và Mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Công ty TNHH MTV T9.

3. Buộc ông Nguyễn Ngọc H giao lại cho ông Nguyễn Minh N số tiền giá trị đất 466.229.000 đồng và giá trị căn nhà là 179.357.220 đồng; giá trị phần đất là 160.448.000 đồng, tổng là 806.034.220 đồng.

Buộc ông Nguyễn Ngọc H giao lại cho bà Nguyễn Kim L1 giá trị đất là

160.448.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông N đối với ông H về việc chia thừa kế số tiền 7.000 USD.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của những người liên quan bà Nguyễn Ánh T2, bà Nguyễn Ánh H2, bà Nguyễn Kim H4, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Kim N1, ông Nguyễn Tấn H3, và ông Nguyễn Trung T1 chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích 112,1m^2, đất tọa lạc tại số B, đường L, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường T, tỉnh Cà Mau) và yêu cầu nhận giá trị tương ứng mỗi người một kỷ phần.

Buộc ông Nguyễn Minh N giao lại cho bà Nguyễn Ánh T2, bà Nguyễn Ánh H2, bà Nguyễn Kim H4, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Kim N1, ông Nguyễn Tấn H3, và ông Nguyễn Trung T1 mỗi người là 185.861.000 đồng.

6. Chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Minh N, bà Nguyễn Kim L1, bà Nguyễn Ánh T2, bà Nguyễn Ánh H2, bà Nguyễn Kim H4, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Kim N1, ông Nguyễn Tấn H3, và ông Nguyễn Trung T1 có nghĩa vụ giao trả lại cho Nguyễn Ngọc H mỗi người là 15.590.500 đồng.

7. Về án phí:

7.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh N, ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Kim L1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Nguyễn Trung T1, bà Nguyễn Kim H4, bà Nguyễn Ánh T2 phải chịu là 74.593.218 đồng. Ngày 07 tháng 8 năm 2024, ông Nguyễn Trung T1, bà Nguyễn Kim H4, bà Nguyễn Ánh T2 đã nộp tạm ứng án phí mỗi người là 3.750.000 đồng tại Biên lai thu số 0000215, 0000216, 0000214 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (nay là Thi hành án dân sự tỉnh C). Nay được đối trừ, ông Nguyễn Trung T1, bà Nguyễn Kim H4, bà Nguyễn Ánh T2 mỗi người còn tiếp tục phải nộp án phí số tiền 70.843.218 đồng.

Bà Nguyễn Ánh H2, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Kim N1, ông Nguyễn Tấn H3 mỗi người phải chịu án phí là 9.293.050 đồng. Ngày 07 tháng 8 năm 2024, bà Nguyễn Ánh H2, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Kim N1, ông Nguyễn Tấn H3 đã nộp tạm ứng án phí mỗi người là 3.750.000 đồng tại Biên lai thu số 0000218, 0000217, 0000220, 0000219 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (nay là Thi hành án dân sự tỉnh C). Nay được đối trừ, bà Nguyễn Ánh H2, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Kim N1, ông Nguyễn Tấn H3 mỗi người còn tiếp tục phải nộp án phí số tiền là 5.543.050 đồng.

7.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Minh N, bà Nguyễn Kim L1 được miễn. Ông Nguyễn Minh T4 phải chịu 300.000 đồng; ông Nguyễn Minh N đã nộp thay ông T4 số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006381 ngày 19/05/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền nêu trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất chậm thi hành được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian

chậm thi hành.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 7, 8, 34, 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND khu vực 1 - Cà Mau;
- THADS Khu vực 1 - Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Dũng